

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc xin ly hôn giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị B, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.

*Bị đơn:* Anh Thiệu Quang T, sinh năm 1974. Trú tại: Tiểu khu 8, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị B và anh Thiệu Quang T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị B và anh Thiệu Quang T.

b. Về con chung: Chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục các cháu Thiệu Bảo C, sinh ngày 11/9/2007 và cháu Thiệu Gia H, sinh ngày 24/4/2021 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có sự thay đổi khác

theo quy định. Anh T và chị B không thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng nhau.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh T và chị B xác nhận đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị Bùi Thị B chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 75.000VNĐ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001992 ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được trả lại 225.000VNĐ (*Hai trăm hai mươi năm nghìn đồng*).

Anh Thiệu Quang T chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 75.000VNĐ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

(*Đã ký*)

**Nguyễn Trung Kiên**